TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2025/HS-PT
Ngày 22 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu;

Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Anh Quân – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo Hà Minh Kh và Nguyễn Thị Thúy V; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị cáo kháng cáo:*

1/. **Hà Minh Kh**, sinh năm 1969 tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là phường D, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; đảng phái chính trị: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Nh (hy sinh) và bà Lâm Thị Ng, sinh năm 1949 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1968 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có đơn xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Minh Kh: Bà Lê Ngô Phương Th – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

2/. **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1968 tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh

Long); nơi thường trú: khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là phường D, tỉnh Vĩnh Long); nơi ở hiện tại: đường H, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1941 (đã chết); có chồng tên Hà Minh Kh và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy V: Bà Lê Ngô Phương Th – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Lâm Văn Nh, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp L, xã D1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là phường D, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Đoàn Thị G, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là phường D, tỉnh Vĩnh Long).

2/. Bà Hồ Thanh Tr, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp 12, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

3/. Bà Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1993; nơi cư trú: đường H, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Trong vụ án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/01/2020, bị cáo Hà Minh Kh và bị cáo Nguyễn Thị Thúy V lập tờ giấy viết tay thỏa thuận chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng 03 (Ba) quầy kiot đôi, diện tích là 54,15m^2, tọa lạc tại Chợ thuộc Khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Lâm Văn Nh với số tiền bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); đồng thời, thỏa thuận trong thời hạn 01 (Một) năm thì bị cáo Kh và bị cáo V được quyền mua lại các quầy kiot từ ông Nh với số tiền bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đến ngày 03/01/2020, bị cáo Kh và bị cáo V lập tờ giấy viết tay thuê lại các quầy kiot này từ ông Nh để tiếp tục kinh doanh, giá thuê mỗi tháng bằng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Sau khi thuê, bị cáo Kh và bị cáo V không trả tiền thuê cho ông Nh nên ông Nh làm đơn khởi kiện vụ án dân sự gửi Tòa án nhân dân thị xã D để yêu cầu giải quyết. Vụ án dân sự được Tòa án nhân dân thị xã D giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2021/QĐST-DS, ngày 16/11/2021, cụ thể: bị cáo Kh và bị cáo V với ông Nh thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê các quầy

kiot. Bị cáo Kh và bị cáo V đồng ý trả tiền thuê quầy kiot cho ông Nh bằng 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Đến ngày 01/3/2022, ông Nh phát hiện 03 (Ba) quầy kiot đôi mà bị cáo Kh và bị cáo V lập giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Nh do bà Đoàn Thị G, sinh năm 1961, cư trú tại Khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đang sử dụng để kinh doanh, nên ông Nh làm đơn tố giác gửi đến cơ quan Công an. Sau khi thụ lý tin tố giác tội phạm, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ có liên quan; Cơ quan điều tra tiến hành khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và tiến hành thu giữ, tạm giữ tài liệu là các giấy tờ liên quan đến việc thuê, mua, bán các quầy kiot.

Tại Cáo trạng số 68/CT-VKSTV-P1, ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Kh và bị cáo V về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hà Minh Kh và Nguyễn Thị Thúy V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1/. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s, điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Minh Kh 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 10 năm 2023.

2/. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy V 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/6/2025, bị cáo Hà Minh Kh và bị cáo Nguyễn Thị Thúy V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật (Đơn đề ngày 11/9/2025).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ các tình tiết vụ án; bị cáo V, bị cáo Kh không lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: bị cáo Kh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm vì lý do sức khỏe nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Kh là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Giao dịch sang nhượng kiot giữa bà G với vợ chồng bị cáo V xuất phát từ việc bị cáo V chơi hụi, vay tiền góp. Bà G cũng thừa nhận có giao dịch này. Bà G cho rằng giữa bà với vợ chồng bị cáo có thỏa thuận sang nhượng kiot nhưng bà G đã làm mất giấy thỏa thuận. Còn bị cáo V cho rằng đây chỉ là việc cầm cố làm tin để bà G cho bị cáo V tiếp tục chơi hụi, vay tiền góp; Bị cáo V khai đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông Nh đã đưa thì dùng 650.000.000 đồng để lấy sổ đất đang thế chấp ở Ngân hàng ra để sang nhượng cho ông Nh, còn 350.000.000 đồng là ông Nh đưa trực tiếp cho bà Tr để chuộc lại kiot trước đó bà Tr đã cầm cố dùm cho bị cáo V rồi lấy lại giấy tờ thuê kiot chứ không có việc sang nhượng kiot cho ông Nh.

Căn cứ lời khai của các bị cáo, của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo V tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng nội dung các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai còn nhiều mâu thuẫn cần phải điều tra, làm rõ lại mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Minh Kh và bị cáo Nguyễn Thị Thúy V hợp lệ, đảm bảo hình thức, nội dung và đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 11/9/2025, bị cáo Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm (Đơn được Trại tạm giam số 3 – Công an tỉnh Vĩnh Long xác nhận), căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo Kh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm, bị cáo Hà Minh Kh và bị cáo Nguyễn Thị Thúy V bị Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, truy tố, xét xử về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự do các bị cáo thực hiện hành vi chuyển nhượng cho bị hại Lâm Văn Nh tài sản (03 kiot, diện tích 54,15m^2 tọa lạc tại Chợ thuộc khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) đã sang nhượng cho người khác (bà Đoàn Thị G) nhằm chiếm đoạt tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Nh.

[2.2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của bị cáo V tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy: vụ

án còn có nhiều tình tiết chưa được Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra làm rõ. Cụ thể như sau:

[2.2.1] Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2022 (BL194-195), bị cáo Hà Minh Kh xác định ngày 02/01/2020, vợ chồng bị cáo làm giấy chuyển nhượng 03 quầy kiot cho ông Lâm Văn Nh; do trước đây có vay tiền của bà G, không trả được lãi nên ngày 05/5/2020 giao lại cho bà G 02 quầy đôi (04 quầy) để kinh doanh, trong thời hạn 05 năm sẽ chuộc lại. Tại biên bản ghi lời khai các ngày 17/10/2023, 15/11/2023, 29/12/2023 (BL198-207), bản tường trình các ngày 20/10/2023, ngày 03/11/2023, ngày 24/4/2024, ngày 14/5/2024 (BL212-215), bị cáo Kh thay đổi lời khai, xác định chuyển nhượng các kiot trên cho bà G từ năm 2018, các bên cam kết trong vòng 05 năm vợ chồng bị cáo Kh sẽ mua lại quầy hàng bằng với giá chuyển nhượng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Kh cho rằng bị cáo cầm kiot cho bà G, chứ không chuyển nhượng (BL959).

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy V, tại các bản tường trình ngày 24/10/2023, biên bản ghi lời khai ngày 17/9/2024, 15/8/2024 có sự tham gia của người bào chữa (BL255-261), xác định năm 2018 có cầm cố cho bà G 02 quầy đôi mà sau này chuyển nhượng cho ông Nh; đến năm 2020 thì hai bên mới chốt lại việc bán lại quầy hàng cho bà G để cấn trừ nợ; thời điểm này vợ chồng bị cáo mới lập giấy sang nhượng và giao giấy tờ gốc cho bà G quản lý.

Tại các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra, từ bút lục 237 đến bút lục 244, bà Đoàn Thị G xác định nhận sang nhượng quầy hàng từ năm 2018. Tuy nhiên, các giấy biên nhận bà G cung cấp để chứng minh (BL280-289) đều thể hiện thời gian thỏa thuận, nhận nợ từ tháng 5/2020. Tại đơn yêu cầu UBND Phường 1 hòa giải tranh chấp ngày 01/02/2021, bà Đoàn Thị G trình bày *"Vào ngày 05/5/2020 vợ chồng ông Hà Minh Kh, bà Nguyễn Thị Thúy V….có viết giấy tay chuyển nhượng cho tôi 04 quầy kiot tại Chợ thị xã D"* (BL 290); tại buổi hòa giải ngày 09/3/2021 của Tổ hòa giải Khóm 1, Phường 1, thị xã D (BL291-292), bà G cũng chỉ yêu cầu bị cáo Kh, V trả tiền thuê mặt bằng 10 tháng từ tháng 5/2020 đến tháng 03/2021.

Theo người làm chứng bà Cao Thị Minh L (BL233-234) xác định bà L là chỗ quen biết với bà G, biết việc bị cáo Kh, V do thiếu nợ không có tiền trả nên sang lại quầy hàng cho bà G với giá cao hơn giá thị trường; thời điểm cụ thể thì bà L không nhớ.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng không thể hiện việc bà G nhận bàn giao quầy hàng, quản lý từ năm 2018. Ông Huỳnh Văn Đ thuộc Ban quản lý Chợ có lời khai xác định đến tháng 5/2020 mới thấy bà G đến liên hệ, hỏi về việc bị cáo Kh, V đóng tiền thuê như thế nào và báo cho Ban quản lý Chợ biết việc bị cáo Kh, V đã chuyển nhượng cho bà G. Tương tự, ông Võ Chí D - Trưởng ban quản lý Chợ cũng có lời khai xác định bà G bắt đầu quản lý, sử dụng quầy hàng từ năm 2020.

Như vậy, có sự mâu thuẫn trong chính lời khai nhận tội của bị cáo Kh; giữa lời khai của bị cáo Kh, bà G với lời khai của bị cáo V và giữa lời khai của các bị cáo, bị hại với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời điểm sang nhượng các quầy hàng cho bà G. Căn cứ để xác định các bị cáo đã sang nhượng các quầy hàng cho bà G trước tháng 01/2020 và đến thời điểm tháng 01/2020 tiếp tục lập giấy sang nhượng

cho ông Nh để quy kết các bị cáo có hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản còn mâu thuẫn, chưa đảm bảo tính vững chắc.

[2.2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo V xác định giữa bị cáo và bà G có quan hệ chơi hụi, dẫn đến phát sinh khoản nợ không có khả năng thanh toán, mục đích ban đầu của vợ chồng bị cáo là cầm cố các quầy hàng cho bà G để đảm bảo việc trả nợ.

Xét thấy, các giấy biên nhận giữa vợ chồng bị cáo Kh và bà G không thể hiện số tiền cụ thể các bên sang nhượng quầy. Tại tờ biên nhận lập ngày 05/5/2020 (BL293), bà Đoàn Thị G viết *"* Phần nợ chị G là: 3.850.000.000đ * Phần đất + 4 quầy là 4.050.000.000đ... chị G còn nợ lại Kh V là 200.000.000đ"*. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế các bên không thực hiện thanh toán tiền sang nhượng.

Nội dung các giấy biên nhận đều thể hiện bà G cam kết không giao lại quầy cho người khác; đồng ý để cho vợ chồng bị cáo V, Kh được chuộc lại các quầy hàng trong thời hạn 05 năm với đúng giá đã sang nhượng ban đầu là không phù hợp với thông lệ mua bán thông thường. Thực tế, hợp đồng thuê với Ban quản lý Chợ vẫn do các bị cáo đứng tên; chưa thực hiện đăng ký, xin phép sang nhượng lại cho bà G. Bà G cho rằng đã nhận sang nhượng quầy nhưng tại buổi hòa giải ngày 09/3/2021 của Tổ hòa giải Khóm 1, Phường 1, bà G đề nghị vợ chồng bị cáo Kh, V hoặc trả nợ bằng tiền, hoặc giao quầy hàng cho bà G được toàn quyền sử dụng (BL291-292), thể hiện về nhận thức bà G vẫn xác định quầy hàng thuộc quyền sở hữu của các bị cáo.

[2.2.3] Đối với ông Lâm Văn Nh, theo nội dung giấy sang nhượng quầy kiot lập ngày 02/01/2020 thể hiện các bị cáo Kh, V sang nhượng cho ông Nh 03 quầy hàng nhưng không thể hiện số tiền chuyển nhượng. Cùng ngày, bị cáo Kh, V lập 02 giấy biên nhận, 01 giấy nhận 350.000.000 đồng; 01 giấy nhận 650.000.000 đồng, có người chứng kiến là bà Hồ Thanh Tr (BL277-279).

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/9/2024 (BL222-223), ông Lâm Văn Nh khai *"Khi thỏa thuận mua quầy tôi đòi đưa hợp đồng gốc thuê 03 (ba) quầy nhưng lúc này vợ chồng anh Kh chị V nói là đang cầm cho người khác nên tôi không đưa tiền đủ mà đưa làm 02 lần"*; đồng thời xác định khi đưa tiền lần 2: 350.000.000 đồng bị cáo Kh và V mới đưa giấy tờ gốc cho ông Nh. Điều này mâu thuẫn với các giấy biên nhận tiền lập cùng ngày 02/01/2020 đã nêu trên, thể hiện 02 khoản tiền được giao cho bị cáo Kh, V cùng thời điểm; đồng thời mâu thuẫn với trình bày của bà G tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2022 (BL237-238) xác định giấy tờ gốc của các quầy hàng do bà G giữ, đến tháng 5/2020 mới giao lại cho bị cáo Kh, V.

Nội dung hợp đồng thuê quầy giữa vợ chồng bị cáo Kh với Ban Quản lý Chợ thể hiện rõ bên thuê không được tự ý cho thuê, chuyển nhượng mặt bằng quầy khi chưa có ý kiến của ban Quản lý Chợ nhưng ông Nh vẫn thỏa thuận sang nhượng; ông Nh thừa nhận khi sang nhượng đã biết các bị cáo cầm cố tài sản cho người khác nhưng vẫn đồng ý thực hiện giao dịch. Như vậy, chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định các bị cáo đưa ra thông tin gian dối để ông Nh tin tưởng, giao tiền.

Mặt khác, tại giấy sang nhượng và biên nhận tiền đều ghi nhận nội dung *"Nếu có tiền sớm thì Kh, V chuộc sớm"*,*"Trong và trước thời gian 01 năm sẽ hoàn đủ tiền*

và chuộc 03 quầy lại" (BL278-279). Tương tự như trường hợp của bà G, việc các bên thỏa thuận cho chuộc lại tài sản sau khi đã sang nhượng với giá bằng giá sang nhượng ban đầu là không phù hợp với lẽ thông thường. Cùng một tài sản, thời điểm tương tự nhưng bị cáo Kh, V sang nhượng cho bà G với giá 02 tỷ đồng, ký hợp đồng thuê mỗi tháng 07 đến 08 triệu đồng; trong khi đó lại sang nhượng cho ông Nh giá 01 tỷ đồng, ký hợp đồng thuê mỗi tháng 30 triệu đồng là có sự mâu thuẫn. Cần phải điều tra làm rõ để xem xét, đánh giá đúng bản chất giao dịch giữa các bên.

Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 14/5/2024 (BL210-211) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Kh khai trước đây có chuyển nhượng cho ông Nh 01 thửa đất; do thửa đất đang được thế chấp tại Ngân hàng để vay vốn nên ngày 02/01/2020, ông Kh lập giấy sang quầy hàng cho ông Nh để làm tin, nhận số tiền 650.000.000 đồng để tất toán khoản vay Ngân hàng, giải chấp tài sản và sang tên cho ông Nh; hiện nay ông Nh đã được sang tên quyền sử dụng đất và thực tế đang nợ lại bị cáo hơn 600.000.000 đồng. Cũng trong biên bản lấy lời khai này, bị cáo Kh có lời khai khác, xác định do vợ chồng bị cáo nợ ông Nh nên chuyển nhượng đất cho ông Nh với giá 1,6 tỷ hay 1,7 tỷ đồng để cấn trừ nợ, bằng số tiền vợ chồng bị cáo nợ ông Nh.

Tại Bản tường trình ngày 24/10/2023, và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V xác định xuất phát từ việc vay bà Tr 350.000.000 đồng, bị cáo nhờ bà Tr hỏi xem có mua đất thì bán để lấy tiền trả nợ; bà Tr giới thiệu ông Nh mua đất của vợ chồng bị cáo V, làm giấy tay; do tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng nên mới lập giấy cầm cố quầy cho ông Nh 1.000.000.000 đồng; ông Nh đưa tiền thì bị cáo giao cho bà Tr 350.000.000 đồng; còn 650.000.000 đồng thì trả nợ Ngân hàng để lấy giấy tờ đất sang tên cho ông Nh (BL262).

Cả 02 giấy biên nhận tiền của ông Nh đều có chữ ký làm chứng của bà Hồ Thanh Tr; ông Nh cũng xác định trong 1.000.000.000 đồng có 350.000.000 đồng giao cho bà Tr; tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Tr phủ nhận toàn bộ nội dung trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V và người bào chữa của bị cáo đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung, trích xuất dữ liệu di động để làm rõ nội dung thỏa thuận giữa vợ chồng bị cáo với bà Tr, ông Nh nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Quá trình điều tra, ông Nh thừa nhận có việc hai bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; ông Nh đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất; không liên quan đến số tiền 1.000.000.000 đồng theo các giấy biên nhận ngày 02/01/2020. Các bị cáo khi xác định ông Nh chưa thanh toán tiền chuyển nhượng, số tiền 1.000.000.000 đồng nêu trên nằm trong số tiền 1.650.000.000 đồng ông Nh phải thanh toán; khi lại xác định tiền chuyển nhượng quyền sử dụng được cấn trừ vào khoản nợ 1.600.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng trước đây, ông Nh đã thanh toán xong. Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ việc thanh toán, giao nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên để từ đó xác định mục đích, nội dung của số tiền 1.000.000.000 đồng hiện đang quy kết các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết và thực hiện thỏa thuận sang nhượng quầy hàng giữa ông Lâm Văn Nh và các bị cáo còn nhiều mâu thuẫn như đã được

phân tích trên. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không thực hiện đối chất giữa các bị cáo với ông Lâm Văn Nh; trích xuất dữ liệu điện tử để làm rõ nội dung trao đổi giữa các bên; chưa điều tra, xác minh làm rõ quá trình chuyển tiền, thanh toán cụ thể đối với từng giao dịch vay mượn, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sang nhượng quầy hàng (nếu có) thì chưa đủ cơ sở vững chắc để xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ giải quyết vụ án.

[2.3] Ngoài ra, trường hợp có đủ căn cứ xác định các bị cáo Hà Minh Kh, Nguyễn Thị Thúy V có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì đây là vụ án có tính chất đồng phạm. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, tiến hành đối chất để làm rõ vai trò của từng bị cáo (vai trò quyết định hay phụ thuộc), từ đó có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự phù hợp, đảm bảo nguyên tắc phân hóa tội phạm.

Bên cạnh đó, cần xác minh làm rõ thêm số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại sau đó đã sử dụng vào mục đích gì. Nếu có căn cứ xác định các bị cáo sử dụng 350.000.000 đồng để trả nợ cho bà Hồ Thanh Tr như các bị cáo và bị hại trình bày thì số tiền trên là tiền, tài sản do phạm tội mà có và phải được xử lý theo đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy do trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, từ đó dẫn đến việc đánh giá chứng cứ còn phiến diện và thiếu cơ sở. Những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa của bị cáo đề nghị hủy án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra lại là có căn cứ.

[5] Về án phí: các bị cáo Hà Minh Kh, Nguyễn Thị Thúy V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) xét xử đối với các bị cáo Hà Minh Kh, Nguyễn Thị Thúy V.

Chuyển giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra lại theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: bị cáo Hà Minh Kh, bị cáo Nguyễn Thị Thúy V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (3);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long (1);
- Công an tỉnh Vĩnh Long (1);
- Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh Vĩnh Long (3);
- Lưu (5) 17b (Án AQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hoàng